

Bản án số: 25/2019/HS-PT

Ngày: 11/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Quang.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thiết Hùng;

Ông Trần Việt Trung.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Vũ Ngọc Châu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Đại diện VKSND tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 31/2019/TLPT-HS ngày 30 tháng 9 năm 2019, đối với bị cáo Nguyễn Minh T1, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2019/HS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Minh T1**, sinh năm 1988, tại huyện T, tỉnh Quảng Trị; nơi ĐKNK thường trú và nơi ở: Khóm X, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ma; có vợ Lê Thị T, sinh năm 1989 và có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân bị cáo: Ngày 30/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị xử phạt 10.000.000 đồng về tội “Buôn lậu”; ngày 19/6/2019, bị xử phạt 25.000.000 đồng về tội “*Vận chuyển hàng cấm*” theo Bản án số: 36/2019/HS-ST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt.

Trong vụ án này còn có bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Văn T2 nhưng không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 17/11/2018, Nguyễn Minh T1 sang bản K, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào bằng đường tiểu ngạch để mua phong lan thì gặp một người đàn ông người Lào tên P (không rõ nhân thân lai lịch) thuê T1 vận chuyển 03 thùng pháo từ bên sông Ka Túp, nước Lào về ngôi nhà không có

người ở gần bến sông Sê Pôn, thuộc khóm Xuân Phước, thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị với tiền công 400.000 đồng/thùng và nói khoảng 13 giờ cùng ngày sẽ có người đến nhận pháo và trả tiền công cho T1 thì T1 đồng ý. Khoảng 10 giờ cùng ngày, T1 điện thoại cho Nguyễn Văn H, thuê H xuống bên sông Sê Pôn, thuộc khóm Xuân Phước vác hàng với tiền công 150.000 đồng/thùng, đồng thời nhờ H sang nhà T1 lấy 01 cái phao đem sang bên sông Ka Túp, nước Lào để T1 chở hàng về, T1 không nói là chở hàng gì thì H đồng ý. H lấy phao đưa sang bên sông Ka Túp cho T1 và dặn khi nào hàng về thì điện thoại để H xuống bốc hàng; sau đó H trở về nhà của mình. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, T1 gặp D tại bản Ka Túp, nước Lào, biết D chuẩn bị về Việt Nam, T1 nói với D: “Khi nào về đến bên sông Sê Pôn thuộc khóm Xuân Phước thì đợi ở đó để vác cho T1 một thùng hàng lên ngôi nhà không có người ở gần bến sông Sê Pôn, khóm Xuân Phước, thị trấn Lao Bảo với tiền công là 150.000 đồng/thùng thì D đồng ý”.

Khoảng 12 giờ cùng ngày, P chở 03 thùng pháo đựng trong 03 bao gai đến bến sông Ka Túp, nước Lào giao cho T1; T1 đặt 03 thùng pháo đó lên phao rồi lội sông đẩy chiếc phao từ bến sông Ka Túp về bến sông Sê Pôn đồng thời điện cho H xuống bên sông vác hàng lên. Sau khi nghe điện thoại của T1, H sang nhà em trai mình là Nguyễn Văn T2 gọi T cùng đi vác hàng cho T1 với Tiền công 150.000 đồng/thùng thì T đồng ý rồi cùng H đi bộ xuống bến sông Sê Pôn. Khoảng 13 giờ cùng ngày, T1 đẩy chiếc phao chở 03 thùng pháo về đến sông Sê Pôn thì H, T, D đang đứng đợi ở đó nên gọi cả ba xuống để vác hàng lên; trong lúc vác hàng đi thì H, T mới biết bên trong bao gai là pháo. T, H và D mỗi người vác 01 thùng pháo đựng trong bao gai đi từ bờ sông lên (T đi trước, tiếp đến là D và H đi sau cùng). Lúc này Công an thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa và lực lượng phối hợp đang tuần tra thì phát hiện tại khu vực bờ sông Sê Pôn, thuộc khóm Xuân Phước, thị trấn Lao Bảo có ba đối tượng đang vác mỗi người một bao gai nghi là pháo nên đã tiếp cận và bắt giữ được Nguyễn Văn T2 cùng 01 bao gai (bên trong có 18 khối hộp, vỏ hộp có ký hiệu A8503(A0389), trong mỗi hộp có 36 vật hình trụ tròn, vỏ giấy được liên kết lại với nhau được niêm phong trong thùng giấy các tông ký hiệu P1). Hai đối tượng còn lại vứt hai bao gai đựng pháo lại và bỏ chạy, trong đó: D vứt 01 bao gai (bên trong có 18 khối hộp, vỏ hộp có ký hiệu A8503(A0389), trong mỗi hộp có 36 vật hình trụ tròn, vỏ giấy được liên kết lại với nhau được niêm phong trong thùng giấy các tông ký hiệu P2) tại vị trí bên trái đường, cách T 25m; H vứt 01 bao gai (bên trong có 18 khối hộp, vỏ hộp có ký hiệu A8503(A0389), trong mỗi hộp có 36 vật hình trụ tròn, vỏ giấy được liên kết lại với nhau được niêm phong trong thùng giấy các tông ký hiệu P3) tại vị trí bên phải đường, cách bao gai của D 20m. Lực lượng chức năng đã thu giữ toàn bộ số tang vật nói trên.

Khi nhìn thấy lực lượng chức năng T1 đã vứt chiếc phao dưới sông và bỏ chạy, khi T1 quay lại tìm thì không thấy chiếc phao nữa nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Kết luận giám định số 903/C09C (Đ3, Đ4)/ ngày 28/11/2018 của phân viện khoa học hình sự Bộ công an tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

- 18 khối hộp (mỗi khối hộp kích thước 14,5cm x 14,5cm x 12cm, vỏ ngoài bọc giấy màu có in hoa văn và chữ nước ngoài, bên trong gồm 36 vật hình trụ

tròn, vỏ giấy được liên kết lại với nhau) đựng trong thùng giấy ký hiệu P1 gửi đến giám định đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ). Tổng khối lượng là 21,9kg.

- 18 khối hộp (mỗi khối hộp kích thước 14,5cm x 14,5cm x 12cm, vỏ ngoài bọc giấy màu có in hoa văn và chữ nước ngoài, bên trong gồm 36 vật hình trụ tròn, vỏ giấy được liên kết lại với nhau) đựng trong thùng giấy ký hiệu P2 gửi đến giám định đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ). Tổng khối lượng là 22,1kg.

- 18 khối hộp (mỗi khối hộp kích thước 14,5cm x 14,5cm x 12cm, vỏ ngoài bọc giấy màu có in hoa văn và chữ nước ngoài, bên trong gồm 36 vật hình trụ tròn, vỏ giấy được liên kết lại với nhau) đựng trong thùng giấy ký hiệu P3 gửi đến giám định đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ). Tổng khối lượng là 22kg.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 55/2019/HS-ST ngày 22/8/2019, Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa đã quyết định: Căn cứ điểm g, k khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 02 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T2; tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23/8/2019, bị cáo Nguyễn Minh T1 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo hoặc xem xét xử phạt bằng hình phạt tiền ở mức khởi điểm của khung hình phạt.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Mặc dù, sau khi xét xử sơ thẩm ngày 28/8/2019, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Trị có công văn số 2888/XN-BCH, xác nhận bị cáo Nguyễn Minh T1 đã tự nguyện cộng tác giúp đỡ và cung cấp nhiều thông tin có giá trị cho Bộ đội Biên phòng trong công tác đấu tranh phòng chống ma túy nhưng chỉ nói chung chung, chưa nêu được vụ án cụ thể nên không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị HĐXX: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm g, k khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh T1 phạm tội “*Vận chuyển hàng cấm*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 02 (hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nội dung vụ án: Ngày 17/11/2018, bị cáo Nguyễn Minh T1 sang bản Ka Túp, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và nhận vận chuyển 03 thùng pháo về

Việt Nam với tiền công 400.000 đồng/thùng. Sau đó, T1 thuê lại Nguyễn Văn H và D; H gọi thêm Nguyễn Văn T2 cùng vận chuyển pháo với tiền công 150.000 đồng/thùng. Khoảng 13 giờ cùng ngày, T1 đẩy chiếc phao chở 03 thùng hàng đựng trong 03 bao gai về đến sông Sê Pôn thuộc khóm Xuân Phước, thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, Nguyễn Văn H nhận vác bao gai có khối lượng 21,9kg, D nhận vác bao gai có khối lượng 22,1kg và Nguyễn Văn T2 nhận vác 01 bao gai có khối lượng 22kg thì bị Công an thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa và lực lượng chức năng bắt giữ. Tại bản kết luận giám định thì 03 thùng hàng có khối lượng 66kg đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ). Vì vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Minh T1, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn T2 đã phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”. Trong đó, Nguyễn Minh T1 phạm tội với hai tình tiết định khung là “Pháo nổ từ 40 kilôgam đến dưới 120 kilôgam” và “Vận chuyển qua biên giới” được quy định tại điểm g, k khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn T2 phạm tội với tình tiết định tội “Pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T1, HĐXX thấy: Bị cáo cho rằng, khi bị cáo nhận lời vận chuyển 03 thùng hàng vì nghĩ đó là Phong Lan nên nhận lời, bị cáo không biết là pháo là không có căn cứ. Tại các bản tự khai Bút lục số 70, biên bản hỏi cung số 72, 77 và 81 bị cáo đều khai là nhận vận chuyển 03 thùng pháo hoa của một người Lào tên là P.

Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Ngày 11/11/2018, bị cáo cùng đồng phạm bị bắt quả tang khi đang vận chuyển 27,82kg pháo nổ (hành vi này bị Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa xử phạt 25.000.000 đồng về tội “*Vận chuyển hàng cấm*” theo Bản án số: 36/2019/HS-ST này 19/6/2019). Trong thời gian chờ kết quả giải quyết của cơ quan chức năng thì ngày 17/11/2018 (sau 07 ngày), bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi vận chuyển pháo nổ thể hiện sự coi thường pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp.

Mặc dù, sau khi xét xử sơ thẩm ngày 28/8/2019, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Trị có công văn số 2888/XN-BCH, xác nhận bị cáo Nguyễn Minh T1 đã tự nguyện cộng tác giúp đỡ và cung cấp nhiều thông tin có giá trị cho Bộ đội Biên phòng trong công tác đấu tranh phòng chống ma túy; qua đó đã đấu tranh thành công một số chuyên án về mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, vật liệu nổ nhưng công văn chỉ nói chung chung, chưa nêu được tên vụ án cụ thể và không có tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận; hơn nữa mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo còn có phần nhẹ so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nếu có áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ này cũng không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Hội đồng xét xử thấy cần thiết ra Quyết định bắt, tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm g, k khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Về tội danh: Bị cáo **Nguyễn Minh T1** phạm tội “*Vận chuyển hàng cấm*”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 **02 (hai)** năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh T1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện Hướng Hóa;
- VKSND huyện Hướng Hóa;
- Công an huyện Hướng Hóa;
- Chi cục THADS Hướng Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Hồng Quang

